

Số: **12291** /BCT-KV1

V/v triển khai kết quả đoàn
đi khảo sát khu vực Tây
Nam Trung Quốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2012

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Ủy ban Nhân dân các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 9331/VPCP-QHQT ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ gửi Bộ Công Thương về việc báo cáo kết quả đoàn đi khảo sát khu vực Tây Nam Trung Quốc (dựa trên báo cáo và đề nghị của Bộ Công Thương tại công văn số 10404/BCT-KV1 gửi Thủ tướng Chính phủ ngày 30 tháng 10 năm 2012, gửi kèm theo), Bộ Công Thương xin gửi các Bộ, ngành và địa phương liên quan báo cáo “Đánh giá tiềm năng khu vực thị trường Tây Nam Trung Quốc và kiến nghị một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu trong thời gian tới” và đề nghị các Bộ, ngành và địa phương liên quan nghiên cứu xử lý theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Bộ Công Thương trân trọng thông báo các Bộ, ngành và địa phương liên quan biết và thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP (đề b/c);
- Bộ trưởng Vũ Huy Hoàng (đề b/c);
- Các Vụ/Cục: Vụ XNK, TMMN, XTMM;
- Lưu: VT, KV1 (P.TQ).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Cẩm Tú

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG KHU VỰC THỊ TRƯỜNG
TÂY NAM TRUNG QUỐC VÀ KIẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP
ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU TRONG THỜI GIAN TỚI

I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG TÂY NAM TRUNG QUỐC

1. Tình hình kinh tế xã hội các tỉnh Tây Nam Trung Quốc giai đoạn 2009-2011 (Vân Nam, Quảng Tây, Quý Châu, Tứ Xuyên, Trùng Khánh)

1.1. Vân Nam

Tỉnh Vân Nam nằm ở miền Tây Nam Trung Quốc. Diện tích 394 nghìn km², chiếm 4,1% tổng diện tích cả nước Trung Quốc. Phía Đông giáp Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây và tỉnh Quý Châu, phía Bắc lấy sông Kim Sa làm ranh giới với tỉnh Tứ Xuyên, phía Tây Bắc gắn liền với Khu tự trị Tây Tạng, phía Tây tiếp giáp với Myanmar, phía Nam và một vùng phía Đông Nam giáp với Lào và Việt Nam, có biên giới chung trên đất liền với 3 nước với chiều dài 4.061 km. Hiện nay, dân số của tỉnh Vân Nam là 45,5 triệu dân.

Về tốc độ tăng trưởng GDP: đạt bình quân trên 12,7%/năm. Năm 2011 GDP của toàn tỉnh Vân Nam đạt 136,7 tỷ USD, tăng 13,7% so với năm 2010. Năm 2011, GDP tính theo đầu người của tỉnh Vân Nam bình quân đạt 2.962 USD/người.

Về cơ cấu nền kinh tế: có xu hướng chuyển dịch hợp lý. Tỷ trọng trong GDP của ngành nông nghiệp giảm từ 17,3% năm 2009 xuống 16,1% năm 2011; tỷ trọng ngành công nghiệp trong GDP tăng từ 41,8% năm 2009 đến 45,6% năm 2011; tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP giảm từ 40,9% năm 2009 xuống 38,3% năm 2011.

Về ngoại thương: tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 23,2%/năm. Năm 2011 tổng kim ngạch thương mại của tỉnh Vân Nam đạt 16 tỷ USD, tăng 19,6%, trong đó xuất khẩu 9,4 tỷ USD tăng 24,6%, nhập khẩu 6,5 tỷ USD tăng 13,2%.

Về cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu của tỉnh Vân Nam:

Các sản phẩm nhập khẩu chủ yếu gồm: quặng các loại, sản phẩm cơ điện, hàng nông sản, gỗ các loại, thủy hải sản...

Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu gồm: sản phẩm cơ điện, sản phẩm hóa chất từ apatit, hàng nông sản, kim loại màu, hàng dệt may và thời trang, điện...

Trong năm 2011, 10 đối tác thương mại lớn nhất của tỉnh Vân Nam được xếp lần lượt như sau: Myanmar, Việt Nam, Mỹ, Malaysia, Thái lan, Úc, Indonesia, Đức, Nhật Bản, Braxin.

Về hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài: năm 2011, Vân Nam đã duyệt 163 dự án với tổng vốn đầu tư đạt 2,154 tỷ USD, tăng 41,9% so với 2010.

1.2. Quảng Tây

Quảng Tây tên đầy đủ là Khu tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây, là một trong 5 Khu do các tộc người thiểu số tự trị của Trung Quốc, với 14 thành phố cấp tỉnh, 7 thành phố cấp huyện, 56 huyện, 12 huyện dân tộc tự trị. Vị trí nằm ở phía Nam Trung Quốc, diện tích: 236.700 km², phía Nam giáp Vịnh Bắc Bộ có đường bờ biển dài 1595 km, phía Đông giáp tỉnh Quảng Đông, phía Tây Nam nối liền với các tỉnh Tây Nam Trung Quốc như Vân Nam, Quý Châu, phía Bắc giáp Hồ Nam; phía Tây có đường biên giới dài 637 km giáp với các tỉnh Cao Bằng, Quảng Ninh, Lạng Sơn và một phần của tỉnh Hà Giang, Việt Nam. Quảng Tây được coi là địa phương có ưu thế địa lý rất lớn, là cửa ngõ nối liền giữa các vùng Tây Nam Trung Quốc với Việt Nam và các nước Đông Nam Á.

Quảng Tây mang đặc điểm khí hậu cận nhiệt đới, dân số 50,49 triệu người¹, trong đó 1/3 dân số là người dân tộc Choang. Quảng Tây có nguồn tài nguyên phong phú về thủy điện, khoáng sản, biển, và du lịch tự nhiên. Quảng Tây hiện đứng thứ 2 Trung Quốc về thủy điện, là vùng tập trung nhiều khoáng sản kim loại màu lớn, trữ lượng phong phú, chủng loại đa dạng². Các ngành công nghiệp chủ yếu của Quảng Tây gồm khai khoáng, luyện kim, gang thép, mía đường, điện lực, cơ khí ô tô, bột giấy, sắt thép và mangan, hoá chất, vật liệu xây dựng, chế biến nông sản...

Trong giai đoạn 2009-2011, Quảng Tây luôn là một trong những khu vực có tốc độ phát triển kinh tế nhanh nhất của Trung Quốc với tốc độ tăng trưởng bình quân 13,5%/năm. Năm 2011, GDP của Quảng Tây đạt 183 tỷ USD, tăng 12,3% so với năm 2010.

Về cơ cấu kinh tế: đã và đang có những bước chuyển dịch theo hướng khá hợp lý. Tỷ trọng trong GDP của ngành nông nghiệp giảm từ 18,9% năm 2009 xuống 17,5% năm 2011; tỷ trọng ngành công nghiệp trong GDP tăng từ 43,9% năm 2009 đến 49% năm 2011; tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP giảm từ 37,2% năm 2009 xuống 33,5% năm 2011.

Về ngoại thương: đạt được mức tăng trưởng nhanh chóng với mức tăng trưởng bình quân đạt trên 20%/năm. Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2011 của Quảng Tây đạt 23,3 tỉ USD, tăng 31,5%, trong đó xuất khẩu 12,4 tỉ USD, tăng 29,7%; nhập khẩu 10,8 tỉ USD, tăng 33,6%.

Về cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu chủ yếu của tỉnh Quảng Tây:

¹ số liệu thống kê năm 2010

² Theo thống kê của Trung Quốc, Quảng Tây có hơn 89 loại khoáng sản, trong đó 14 loại có trữ lượng lớn hàng đầu Trung Quốc

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu gồm: sản phẩm cơ điện, nguyên liệu và các sản phẩm dệt may, sản phẩm nông nghiệp, kim loại và các sản phẩm kim loại, sản phẩm công nghiệp hóa học.

10 thị trường Quảng Tây xuất nhiều nhất: Việt Nam, Hoa Kỳ, Hồng Kông, Kyrgyzstan, Nhật Bản, Đức, Malaysia, Indonesia, Hà Lan, Hàn Quốc.

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu gồm: khoáng sản, sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làm từ thực vật, sản phẩm điện tử, thiết bị và linh kiện

10 thị trường Quảng Tây nhập nhiều nhất: Braxin, Việt Nam, Úc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ, Ukraine, Indonesia, Nam Phi, Đức.

Về hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài: tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 19,65%/năm. Song song với việc thu hút đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp Quảng Tây cũng có 257 dự án đầu tư ra nước ngoài với kim ngạch đạt 469 triệu USD, chủ yếu tập trung vào các nước khu vực Châu Á.

1.3. Quý Châu

Tỉnh Quý Châu (gọi tắt là Kiềm hoặc Quý), nằm ở khu vực Đông Nam của vùng Tây Nam Trung Quốc. Phía Đông giáp với tỉnh Hồ Nam, phía Nam giáp với Khu tự trị dân tộc Choang – Quảng Tây, phía Tây giáp với tỉnh Vân Nam và phía Bắc giáp với tỉnh Tứ Xuyên và thành phố Trùng Khánh. Quý Châu là một tỉnh có phong cảnh sơn thủy hữu tình, khí hậu ôn hòa, với nhiều sắc tộc anh em chung sống và là vùng tài nguyên phong phú, tiềm lực phát triển dồi dào. Chiều ngang toàn tỉnh từ Đông sang Tây dài 595 km, chiều dài Bắc Nam là 509km, tổng diện tích tỉnh Quý Châu là 176.167 km², chiếm 1,8% tổng diện tích lãnh thổ Trung Quốc. Hiện nay, dân số toàn tỉnh đạt 37,93 triệu người.

Về tốc độ tăng trưởng GDP: bình quân cả giai đoạn này đạt 13%/năm. Năm 2011 GDP của tỉnh Quý Châu đạt 89 tỷ USD, tăng 15% so với năm 2010. GDP bình quân tính theo đầu người của tỉnh Quý Châu năm 2011 đạt 2.284 USD/người.

Về cơ cấu nền kinh tế: tỷ trọng trong GDP của ngành nông nghiệp giảm dần từ 14,2% năm 2009 xuống 12,7% năm 2011; tỷ trọng ngành công nghiệp tăng từ 37,9% đến 40,9%; tỷ trọng ngành dịch vụ giảm nhẹ từ 47,9% xuống 46,4%.

Về ngoại thương: tăng trưởng bình quân gần 20%/năm. Năm 2011, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh Quý Châu đạt 4,88 tỷ USD, tăng 55,2% so với 2010, trong đó xuất khẩu 2,9 tỷ USD, tăng 55%; nhập khẩu 1,89 tỷ USD, tăng mạnh 54,8%

Về cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu của tỉnh Quý Châu:

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu gồm: sản phẩm cơ điện, quần áo thời trang, xi măng, nguyên vật liệu xây dựng, sản phẩm hóa chất, kim loại, máy móc thiết bị, dược phẩm.

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu gồm: cao su, mù cao su, dầu thực vật, hoa quả tươi khô, khoáng sản, nông sản.

5 đối tác thương mại lớn nhất của tỉnh Quý Châu: Hồng Kông, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN.

Về hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài: tăng mạnh, đạt tốc độ tăng trưởng trung bình trên 79%/năm, trong đó năm 2011 tăng 127,9%, với tổng vốn đầu tư 673 triệu USD.

1.4. Tứ Xuyên

Tứ Xuyên thuộc khu vực Tây Nam của Trung Quốc, nằm ở thượng nguồn của sông Dương Tử (Trường Giang). Phía Tây giáp cao nguyên Thanh Hải, Tây Tạng. Phía Đông giáp với Hồ Bắc và Hồ Nam. Phía Nam giáp Vân Nam. Phía Bắc giáp Cam Túc và Sơn Tây. Diện tích tự nhiên của toàn tỉnh Tứ Xuyên là 485.000 km². Dân số hiện có 81,38 triệu người³ và là tỉnh có dân số lớn thứ 3 của Trung Quốc.⁴

Về tốc độ tăng trưởng GDP: tăng trưởng bình quân trên 15%/năm. Năm 2011 GDP của tỉnh Tứ Xuyên đạt 328 tỷ USD, tăng 15% so với năm 2010. GDP bình quân tính theo đầu người của tỉnh Tứ Xuyên năm 2011 đạt trên 2.500 USD/người).

Về cơ cấu nền kinh tế: có bước chuyển dịch tích cực, tỷ trọng trong GDP của ngành nông nghiệp giảm dần từ 15,8% năm 2009 xuống còn 14,2% năm 2011; tỷ trọng ngành công nghiệp tăng từ 47% đến 52%; tỷ trọng ngành dịch vụ giảm từ 36,6% xuống 33,2%.

Về ngoại thương: liên tục tăng trưởng với mức tăng trưởng bình quân đạt trên 30%/năm. Năm 2011, kim ngạch thương mại đạt 47,8 tỷ USD, tăng 46,2%, trong đó xuất khẩu 29,04 tỷ USD, tăng 54,2%; nhập khẩu 18,74 tỷ USD, tăng 35,3%.

Về cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu chủ yếu của tỉnh Tứ Xuyên:

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu gồm: sản phẩm cơ điện, sản phẩm động vật, thực phẩm, hóa chất và sản phẩm, nguyên liệu dệt may và sản phẩm, thiết bị âm thanh, máy đo đạc dùng trong quang học và y tế... Các thị trường hàng hóa của Tứ Xuyên xuất khẩu sang nhiều nhất là: Hồng Kông, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và Nga.

³ Thống kê năm 2010

⁴ Trước đây nếu chưa tách Thành phố Trùng Khánh ra khỏi Tứ Xuyên thì Tứ Xuyên là tỉnh có dân số đông nhất Trung Quốc

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu gồm: thực phẩm, sản phẩm hóa chất, sản phẩm thực vật, bột giấy, sản phẩm cơ điện, đá quý, khoáng sản... 5 đối tác Tứ Xuyên nhập khẩu nhiều nhất là: Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông và ASEAN.

Về hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài: đã đạt được mức tăng trưởng vượt bậc với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 50%/năm.

1.5. Trùng Khánh

Trùng Khánh có diện tích 82.400 km², bắc nam trải dài 450km, đông tây rộng 470km, là thành phố nằm ở vùng giao thoa giữa miền Đông và miền Tây của Trung Quốc. Phía Đông giáp Hồ Bắc, Hồ Nam; phía Nam giáp Quý Châu, phía Tây giáp Tứ Xuyên, phía Bắc giáp Thiểm Tây. Trùng Khánh là trung tâm kinh tế của thượng nguồn sông Trường Giang, là cửa ngõ giao thông đường thủy quan trọng và là thành phố phát triển công nghiệp và thương mại bậc nhất của miền Tây Nam Trung Quốc. Trùng Khánh được chia thành 40 đơn vị hành chính cấp huyện, 19 quận, 21 huyện trong đó có 4 huyện tự trị. Trùng Khánh hiện có số dân là 32,57 triệu người. Trùng Khánh có khí hậu cận nhiệt đới, ẩm ướt và là một trong những vùng có nhiệt độ trung bình hàng năm cao nhất Trung Quốc. Kể từ năm 1997, Trùng Khánh được tách ra khỏi Tứ Xuyên, đưa Trùng Khánh trở thành một trong 4 thành phố trực thuộc Trung ương và cũng là thành phố trung ương duy nhất thuộc miền Tây Nam Trung Quốc. Đây được coi là dấu mốc quan trọng nâng Trùng Khánh lên một tầm cao mới, một bước phát triển mới, là tiền đề Trùng Khánh phát triển.

Về tốc độ tăng trưởng GDP: mức tăng trưởng trung bình trên 16%/năm. Năm 2011 GDP của thành phố Trùng Khánh đạt 156 tỷ USD, tăng 16,4% so với năm 2010. Năm 2011, GDP tính theo đầu người của thành phố Trùng Khánh đạt gần 3.000 USD/người.

Về cơ cấu nền kinh tế: có bước chuyển đổi rõ ràng trong cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP giảm từ 15,7% năm 2009 xuống 13% năm 2011, tỷ trọng ngành công nghiệp tăng mạnh từ 52,6% đến 54,3%, tỷ trọng ngành dịch vụ giảm từ 37,8% xuống 36%.

Về ngoại thương: tốc độ tăng trưởng trung bình đạt trên 75%/năm. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trùng Khánh năm 2011 đạt 29 tỷ USD, trong đó xuất khẩu 19 tỷ USD, nhập khẩu 9,38 tỷ USD%.

Cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu của thành phố Trùng Khánh:

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu gồm: hàng dệt may, các loại tơ, sợi tự nhiên; sản phẩm y dược, các loại quặng khoáng sản; gang thép, nhôm kim loại chưa gia công; các sản phẩm đồ điện cơ khí gia dụng, hoa quả tươi, hoa quả đã qua gia công chế biến như quả khô, hạt khô, một số hàng nông sản; v.v. Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Trùng Khánh là Mỹ, Nhật, Đức, Hồng Kông, Indonesia....

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu gồm: các loại đậu nành, đậu tương, cao su thành phẩm, một số loại khoáng sản, nhựa sơ cấp, giấy vụn, linh phụ kiện của các máy nhiên liệu đốt trong, máy sản xuất và làm giấy, máy nâng, các thiết bị làm lạnh v.v...Thị trường nhập khẩu chủ yếu của Trùng Khánh là Nhật, Đức, Braxin, Hàn Quốc, Hà Lan, Ý, Úc, Singapore.

Về hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài tại thành phố Trùng Khánh năm 2011 đạt 10,53 tỷ USD.

2. Đánh giá chung tiềm năng kinh tế xã hội của các tỉnh Tây Nam Trung Quốc

Khu vực Tây Nam Trung Quốc gồm 5 tỉnh/thành và khu là: tỉnh Vân Nam, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, tỉnh Quý Châu, tỉnh Tứ Xuyên và thành phố Trùng Khánh. Tổng diện tích của khu vực này là 980.661 km², dân số là 247,87 triệu người, tổng giá trị GDP đạt 892,7 tỷ USD. Diện tích, dân số và GDP của cả khu vực Tây Nam Trung Quốc chiếm tỷ trọng của cả Trung Quốc lần lượt là 10,21%, 18,97%, 11,9%⁵.

Hai mươi năm trước, khu vực miền Tây là khu vực nghèo nàn và lạc hậu nhất Trung Quốc. Tuy nhiên, kể từ khi Trung Quốc thực thi chính sách cải cách mở cửa, nhất là sau khi Chính phủ Trung Quốc thực hiện chiến lược “Đại khai phát miền Tây” từ năm 2000 đến nay, các địa phương trong khu vực này đã thực sự có cơ hội để phát huy đầy đủ lợi thế của từng địa phương và của khu vực, đẩy nhanh việc xây dựng và phát triển kinh tế và đã giành được những thành tựu to lớn. Đặc biệt, trong giai đoạn 2009-2011, giá trị GDP của cả khu vực đã tăng hơn gấp 2 lần. Tốc độ tăng trưởng GDP của cả khu vực trong giai đoạn này cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng GDP trung bình của cả Trung Quốc trong cùng giai đoạn. Trong số các tỉnh, thành, khu của khu vực Tây Nam này, Tứ Xuyên và Trùng Khánh là hai địa phương có thực lực kinh tế mạnh nhất. Tổng giá trị GDP của tỉnh Tứ Xuyên chiếm tới gần 40% tổng giá trị GDP của cả khu vực Tây Nam. Còn Trùng Khánh là địa phương có mức GDP bình quân đầu người đạt mức cao nhất khu vực Tây Nam đạt gần 3.000 USD/người⁶.

Về cơ cấu kinh tế của khu vực này trong giai đoạn 2009-2011 đã có bước chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP của từng địa phương đều giảm; tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ trong GDP đều có xu hướng tăng. Qua những số liệu thống kê cho thấy, khu vực Tây Nam đã thực sự tận dụng những tiềm năng và nội lực sẵn có của khu vực để phát huy, đó là tập trung phát triển các ngành công nghiệp – các ngành nghề mà có thể tận dụng và phát huy được nguồn tài nguyên rất phong phú về năng lượng, thủy điện, cũng như khoáng sản, trong đó trữ lượng và khối lượng

⁵ Số liệu thống kê năm 2011 của Tổng cục thống kê Trung Quốc

⁶ Số liệu năm 2011

khoáng sản của vùng có thể khai thác chiếm trên 60% tổng trữ lượng và khối lượng của toàn Trung Quốc. Trong giai đoạn vừa qua, khu vực này đã tập trung phát triển những ngành công nghiệp chủ chốt như: luyện kim, điện lực, ô tô, xe máy, bột giấy, sắt thép, hóa chất, máy móc thiết bị, chế biến nông sản, thủy sản. Thực tế đã cho thấy, Trùng Khánh nổi lên và được biết đến là một thành phố có ngành công nghiệp ô tô, xe máy, thủy điện phát triển của toàn Trung Quốc, Tứ Xuyên được biết đến là một tỉnh có nhiều cơ sở sản xuất nông nghiệp chính của Trung Quốc.

Về ngoại thương của khu vực Tây Nam Trung Quốc trong giai đoạn 2009-2011 cũng không ngừng tăng trưởng. Tổng kim ngạch thương mại của cả khu vực đạt 121 tỷ USD năm 2011, chiếm tỷ trọng 3,5% trong tổng kim ngạch thương mại của cả Trung Quốc. Trong các địa phương của khu vực này, Tứ Xuyên là tỉnh có tổng kim ngạch thương mại lớn nhất đạt 47,8 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 38,8% trong tổng kim ngạch mậu dịch của cả khu vực Tây Nam.

Cùng với chiến lược “Đại khai phát miền Tây”, các địa phương trong khu vực này đã không ngừng từng bước hoàn thiện môi trường kinh doanh, cơ sở hạ tầng, áp dụng và thực thi các chính sách ưu đãi để thu hút vốn đầu tư nước ngoài nên trong những năm vừa qua lượng vốn đầu tư nước ngoài đổ vào khu vực này không ngừng gia tăng. Năm 2011, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký của cả khu vực đạt 14,849 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 16,4% trong tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký của cả Trung Quốc.

Về vị trí địa lý của khu vực Tây Nam: khu vực này với đặc thù là có 2 tỉnh Vân Nam và Quảng Tây có đường biên giới giáp với Việt Nam. Ngoài giáp với Việt Nam, Vân Nam còn giáp với Lào và Myanmar. Khu vực này có Trùng Khánh và Quảng Tây là 2 địa phương tiếp giáp với các tỉnh thuộc miền Đông. Quảng Tây là địa phương duy nhất của Trung Quốc có đường biên giới cả trên đất liền, trên sông và trên biển, cũng là cửa ngõ duy nhất của các tỉnh thuộc khu vực Tây Nam, Trung Quốc ra biển cũng như kết nối với tỉnh Quảng Đông (là tỉnh có kinh tế phát triển nhất Trung Quốc), từ đó vươn ra Hồng Kông, Đài Loan, Ma Cao... Đây cũng là một trong những thế mạnh của khu vực để phát triển quan hệ kinh tế thương mại với các nước láng giềng.

Về cơ sở hạ tầng: trong những năm gần đây, khu vực Tây Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ về việc nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng. Do đó, hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện cả đường bộ, đường thủy và đường hàng không.

Tóm lại, khu vực Tây Nam Trung Quốc với quy mô dân số 247 triệu dân, cơ cấu kinh tế đang có bước chuyển dịch hợp lý, mức sống của người dân không ngừng được nâng cao với GDP bình quân đầu người trên 2.200 USD, ngoại thương không ngừng tăng trưởng trên hai con số, đầu tư nước ngoài không ngừng nâng cao, có vị trí địa lý đặc thù, nguồn tài nguyên phong phú dồi dào, cơ sở hạ tầng khá hoàn thiện... cho thấy đây là khu vực thị trường tiềm năng, tương đối đa dạng và là thị trường quan trọng đối với tất cả các loại sản

phẩm. Trong các năm tới đây, khu vực này thực sự sẽ là một thị trường tiềm năng cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

II. THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TÂY NAM TRUNG QUỐC

1. Tình hình chung

Trong những năm vừa qua, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và khu vực thị trường Tây Nam Trung Quốc không ngừng tăng trưởng. Năm 2011, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai bên đạt 9,84 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 27,5% trong tổng kim ngạch ngoại thương giữa Việt Nam và Trung Quốc (trong đó, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Quý Châu, Tứ Xuyên, Trùng Khánh, Quảng Tây và Vân Nam năm 2011 lần lượt là 110 triệu USD (tăng 600%), 460 triệu USD (tăng 31,4%), 470 triệu USD, 7,6 tỷ USD (tăng 47,6%) và 1,2 tỷ USD (tăng 35%).

Về xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Tây Nam trong những năm gần đây cũng không ngừng tăng, với mức tăng trưởng trung bình trên 30%/năm từ khoảng 1 tỷ USD năm 2009 lên trên 2 tỷ USD năm 2011, chiếm tỷ trọng khoảng 18% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc. Trong các địa phương thuộc khu vực Tây Nam, Quảng Tây là tỉnh Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất, với kim ngạch xuất khẩu năm 2011 đạt 1,6 tỷ USD, chiếm tỷ trọng trên 80% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Tây Nam.

- *Cơ cấu nặt hàng xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Tây Nam gồm:*

+ Nhóm mặt hàng khoáng sản (quặng, than, kim loại, sắt, thiếc...): chiếm tỷ trọng từ 50-55% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Tây Nam.

+ Nhóm hàng nông lâm sản, thủy sản (gạo, cà phê, cao su, hạt điều, hoa quả, bột sắn, sắn lát, thủy hải sản tươi, khô...): chiếm tỷ trọng từ 35 – 40% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Tây Nam.

+ Nhóm hàng công nghiệp (đồ gỗ, hóa chất, sản phẩm cơ điện, điện và dây cáp điện, sản phẩm cao su...): chiếm tỷ trọng từ 15-20% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Tây Nam.

- *Phương thức xuất khẩu:* chủ yếu theo 2 phương thức mậu dịch thông thường và mậu dịch biên giới (còn gọi là biên mậu). Trong quan hệ thương mại Việt - Trung, hình thức biên mậu chiếm vị trí khá quan trọng, chiếm tỷ trọng giao động trong khoảng từ 20% - 30% tổng kim ngạch biên mậu giữa hai nước mỗi năm và đang có xu hướng giảm dần

2. Hoạt động xuất khẩu sang từng tỉnh Tây Nam Trung Quốc

2.1. Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang Vân Nam giai đoạn 2009 – 2011:

Việt Nam xuất khẩu sang Vân Nam giai đoạn 2009-2011 với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 23,4%/năm. Năm 2011, kim ngạch xuất khẩu sang Vân Nam đạt 240 triệu USD, tăng 49% so với năm 2010. Việt Nam luôn là một trong 3 thị trường Vân Nam nhập khẩu nhiều nhất. Kim ngạch xuất khẩu sang Vân Nam chiếm tỷ trọng nhỏ chỉ 3,6% trong tổng nhu cầu nhập khẩu của tỉnh Vân Nam trong năm 2011.

- Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Vân Nam: 3 nhóm hàng chính như sau:

+ Quặng các loại: kim ngạch xuất khẩu chiếm tỷ trọng từ 40% – 65% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Vân Nam.

+ Cao su và các chế phẩm cao su (đặc biệt sản phẩm mũ cao su hun khói): luôn chiếm tỷ trọng khoảng từ 11% – 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Vân Nam.

+ Nông sản các loại: chiếm tỷ trọng khoảng từ 10% – 20% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Vân Nam.

Ngoài các sản phẩm xuất khẩu được thống kê nêu trên thì còn một số lượng lớn hàng hoa quả, nông sản của Việt Nam như nhãn tươi, vải tươi, sản lát, cao su thiên nhiên... được xuất khẩu sang Vân Nam qua đường cặp chợ biên giới với số lượng lớn đã không được đưa vào thống kê của Hải quan Vân Nam.

- Về phương thức xuất khẩu: do đặc thù về vị trí địa lý nên ngoài buôn bán chính ngạch còn tồn tại hình thức buôn bán biên giới. Theo thống kê của Sở Thương mại Vân Nam, kim ngạch xuất khẩu qua đường biên mậu luôn chiếm tỷ trọng từ 80% đến 90% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Vân Nam. **Đặc biệt là trong buôn bán biên giới với Vân Nam, Việt Nam lại xuất siêu.**

1.2. Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang Quảng Tây, giai đoạn 2009 – 2011.

Xuất khẩu của Việt Nam sang tỉnh Quảng Tây giai đoạn này mức tăng trưởng trung bình trên 25%/năm. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Quảng Tây năm 2011 tăng gần gấp đôi so năm 2009, đạt 1,613 tỷ USD.

Kim ngạch xuất khẩu sang Quảng Tây chiếm tỷ trọng chủ yếu đến 85,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Tây Nam và chiếm tỷ trọng 14,8% trong tổng nhu cầu nhập khẩu của tỉnh Quảng Tây trong năm 2011.

- Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Quảng Tây:

+ Quặng sắt các loại, than gầy: kim ngạch xuất khẩu vẫn luôn chiếm vị trí chủ đạo trong xuất khẩu của Việt Nam sang Quảng Tây, trong đó phải kể

đến than gầy với kim ngạch luôn chiếm tỷ trọng 50% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Quảng Tây hàng năm.

+ Nông sản và hoa quả nhiệt đới: thanh long, hạt điều, sắn lát, tinh bột sắn, dưa hấu tươi, nhãn tươi...: kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này luôn chiếm tỷ trọng từ 25-35% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang Quảng Tây.

+ Cao su và chế phẩm cao su: xuất khẩu mặt hàng này luôn chiếm tỷ trọng từ 5-10% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang Quảng Tây.

- Về phương thức xuất khẩu: hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Quảng Tây chủ yếu được xuất khẩu qua phương thức biên mậu, theo thống kê do Sở Thương mại Quảng Tây, kim ngạch xuất khẩu qua đường biên mậu luôn chiếm tỷ trọng trên 90% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Quảng Tây.

1.3. Hoạt động xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Quý Châu giai đoạn 2009 -2011.

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Quý Châu trong giai đoạn 2009-2011 tăng bình quân 2147%/năm. Đặc biệt, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang Quý Châu năm 2009 tăng đột biến đến 5822%, đạt 11,37 triệu USD. Năm 2010, kim ngạch xuất khẩu sang Quý Châu đạt 76,84 triệu USD, tăng 676%. Năm 2011, kim ngạch xuất khẩu sang Quý Châu giảm mạnh đến 55%, đạt 34,18 triệu USD.

Kim ngạch xuất khẩu sang Quý Châu lại chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang khu vực thị trường Tây Nam và chiếm tỷ trọng cũng rất nhỏ chỉ 4,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của tỉnh Quý Châu năm 2011.

- Về cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Quý Châu gồm: than (chiếm trên 90% tổng kim ngạch xuất khẩu), hàng nông sản, thủy sản khô.

- Về phương thức xuất khẩu: chủ yếu thông qua vận chuyển đường bộ qua tỉnh Quảng Tây và Vân Nam.

1.4. Hoạt động xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Tứ Xuyên giai đoạn 2009 -2011

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Tứ Xuyên trong giai đoạn này tăng đều qua các năm. Năm 2011, xuất khẩu của Việt Nam sang Tứ Xuyên đạt gần 2 triệu USD, chiếm tỷ trọng rất nhỏ chưa đến 1% tổng kim ngạch nhập khẩu của tỉnh Tứ Xuyên.

- Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Tứ Xuyên gồm: sản phẩm thực vật (chiếm tỷ trọng 70,5% tổng kim ngạch xuất khẩu), khoáng sản, hóa chất, dầu thực vật, kim loại, giày dép, ô, mũ, đồ gốm v.v...

- Phương thức xuất khẩu: chủ yếu thông qua vận chuyển đường bộ qua tỉnh Quảng Tây và Vân Nam.

1.5. Hoạt động xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Trung Khánh giai đoạn 2009 -2011

Trong giai đoạn 2009-2011, xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Khánh có mức tăng trưởng rất cao, trung bình trên 300%/năm. Kim ngạch xuất khẩu sang Trung Khánh năm 2011 đạt trên 10 triệu USD, chiếm tỷ trọng không đáng kể chỉ 0,16% trong tổng nhu cầu nhập khẩu của thành phố Trung Khánh trong năm 2011.

- Mặt hàng chủ yếu Việt Nam xuất khẩu sang Trung Khánh: hàng nông sản, hàng thô có giá trị không cao như thức ăn gia súc và bột cá, dầu cá, cao su tự nhiên, mủ cao su v.v...

- Phương thức xuất khẩu: chủ yếu thông qua vận chuyển đường bộ qua tỉnh Quảng Tây và Vân Nam.

3. Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong xuất khẩu sang thị trường Tây Nam Trung Quốc

3.1. Thuận lợi

- Quan hệ chính trị tốt đẹp giữa Chính phủ trung ương hai nước và quan hệ hợp tác giữa Chính quyền Nhân dân các tỉnh Tây Nam Trung Quốc với Việt Nam và đặc biệt với chính quyền các địa phương Việt Nam.

- Cả hai nước Việt Nam và Trung Quốc (hai tỉnh Quảng Tây và Vân Nam) đều coi trọng hình thức xuất nhập khẩu qua biên giới hai nước (*khác với hình thức mua bán, trao đổi cư dân biên giới*) do xuất nhập khẩu qua đường biên giới có một số ưu điểm như sau:

+ Giao dịch nhanh, thuận mua vừa bán, phương thức thanh toán thường sử dụng tiền mặt hoặc chuyển khoản (TT);

+ Hàng hóa không yêu cầu chất lượng cao, hàng chất lượng cao thì giá cao, chất lượng thấp thì giá thấp;

+ Không yêu cầu đóng gói, bao bì đúng tiêu chuẩn, có thể giao hàng rời;

+ Không cần làm nhiều thủ tục xuất nhập khẩu, ít phải bốc dỡ hàng hóa.

- Về mặt vị trí địa lý: Khu vực Tây Nam Trung Quốc có 2 tỉnh Vân Nam và Quảng Tây là hai tỉnh liền kề với Việt Nam với đường biên giới trên bộ dài 1.406 km, trải dài từ Đông sang Tây qua 7 tỉnh biên giới phía Bắc của Việt Nam gồm: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu và Điện Biên. Hiện biên giới trên bộ có 21 cặp cửa khẩu đã được hai bên công nhận, trong đó có 5 cửa khẩu quốc tế, 5 cửa khẩu chính và 14 cửa khẩu phụ và vài chục đường mòn, lối mở biên giới phục vụ cho giao thương của doanh nghiệp và cư dân khu vực biên giới hai nước.

- Phong tục tập quán tương đồng, thị hiếu tiêu dùng tương đối gần gũi.

- Thị trường Tây Nam là một thị trường tương đối dễ tính, không đặt ra quá nhiều yêu cầu khắt khe như các thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản khi nhập khẩu hàng hóa của ta.

- Trong những năm qua, Trung Quốc đã đẩy mạnh phát triển kinh tế biên mậu với các nước trong khu vực, đặc biệt là đối với Việt Nam. Trung Quốc đã tập trung phát triển dịch vụ hạ tầng cho phát triển quan hệ biên mậu với Việt Nam, việc này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu hàng hóa của ta sang các tỉnh Tây Nam Trung Quốc. Cụ thể:

+ *Về đường bộ*: Trung Quốc đã xây dựng một loạt các tuyến đường đạt chuẩn cao tốc nối các thành phố, các trung tâm kinh tế của Trung Quốc với các cửa khẩu biên giới với Việt Nam. Hai tuyến cao tốc từ Nam Ninh tới Hữu Nghị Quan (cửa khẩu Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn) và từ Côn Minh tới Hà Khẩu (cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai) và các tuyến đường cao tốc Nam Ninh – Phòng Thành – Đông Hưng, Nam Ninh – Long Châu – Thủy Khẩu, Côn Minh – Thiên Bảo, Côn Minh – Kim Thủy Hà v.v...

+ *Về đường sắt*: Trung Quốc đã hoàn thành nâng cấp tuyến đường sắt Nam Ninh tới Bằng Tường (cửa khẩu Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn) và hiện đang triển khai xây dựng tuyến đường sắt khổ tiêu chuẩn từ Côn Minh tới Hà Khẩu (cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai) dự kiến sẽ đưa vào sử dụng vào năm 2012.

+ *Về dịch vụ vận tải biển và cảng biển*: ngay từ năm 2001, Chính phủ Trung Quốc đã quy hoạch phát triển 03 cảng phục vụ cho hợp tác, giao thương trong khu vực ASEAN và với Việt Nam. Ba cảng biển đó là: cảng Phòng Thành, cảng Trạm Giang và cảng Hải Khẩu.

+ *Về hàng không*: trước đây đã có đường bay thẳng Hà Nội – Côn Minh, Hà Nội – Thành Đô, tuy nhiên hiện nay đang tạm dừng triển khai và có khả năng mở lại vào cuối năm (hiện hai bên đang thống nhất để sửa đổi bảng Phụ lục cơ cấu đường bay của Hiệp định vận tải hàng không Việt Nam – Trung Quốc, theo đó bổ sung thêm một số điểm đến gồm Hải Khẩu (Hải Nam), Nam Ninh, Trùng Khánh, Thành Đô (Tứ Xuyên), Vũ Hán và Nam Kinh, tổng cộng khoảng 10 điểm đến tại Trung Quốc.

- Hợp tác giữa các ngân hàng thương mại hai nước tại các cửa khẩu đã tạo ra hệ thống thanh toán tiện lợi trong giao dịch chính ngạch giữa doanh nghiệp hai nước.

- Ta đã tận dụng được nhu cầu của thị trường Tây Nam Trung Quốc đối với nhiều loại mặt hàng phù hợp với khả năng của ta từ hàng nông sản, nguyên liệu đến các mặt hàng công nghiệp nhẹ...

- Một số mặt hàng mới đã thâm nhập được vào thị trường Tây Nam Trung Quốc tương đối ổn định và đạt kim ngạch đáng kể, có mức tăng trưởng cao như: sản phẩm chế biến từ ngũ cốc và bánh kẹo (bánh đậu xanh, kẹo dừa, bánh hạt điều, mì ăn liền các loại); sản phẩm chế biến từ trái cây (nước quả, trái cây sấy ăn liền (mít sấy, chuối sấy, xoài sấy); các sản phẩm chế biến từ

thủy sản (tôm, cá phi lê đông lạnh, thức ăn chế biến từ thủy sản đông lạnh đóng gói); sữa và sản phẩm sữa v.v...

- Về phương thức, ta đã duy trì hai hình thức buôn bán chính ngạch và biên mậu.

- Hai bên đã tăng cường hợp tác trong hoạt động xúc tiến thương mại (trừ với Quý Châu)

3.2. Khó khăn

- Địa hình và giao thông của ta không thuận lợi đã làm cho hoạt động trao đổi hàng hóa và dịch vụ với các tỉnh Tây Nam gặp rất nhiều khó khăn. Thời gian vận chuyển dài, cước phí cao dẫn đến hiệu quả thương mại thấp.

- Hiện tượng buôn lậu và buôn bán hàng giả, hàng chất lượng thấp, tiền giả, gian lận thương mại diễn ra phổ biến và khá gay gắt trên toàn tuyến biên giới.

- Cơ cấu hàng xuất khẩu của ta sang thị trường Tây Nam còn yếu và thiếu tính bền vững, thiếu các sản phẩm xuất khẩu có giá trị và hàm lượng kỹ thuật cao, chưa có nhiều mặt hàng chủ lực để xuất khẩu sang thị trường này.

- Hình thức thương mại tiểu ngạch biên giới chiếm tỉ trọng quá lớn trong thương mại giữa Việt Nam và thị trường Tây Nam Trung Quốc, đặc biệt là trong xuất khẩu của Việt Nam sang khu vực này thời gian qua.

- Chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các Bộ/ngành trong việc định hướng sản xuất mang tính chất lâu dài và quy hoạch sản xuất tổng thể cho các ngành sản xuất trong cả nước, do vậy các ngành sản xuất hàng hóa phục vụ cho xuất khẩu, trong đó xuất khẩu sang Trung Quốc bị hạn chế và nếu tình hình này còn tiếp tục ta sẽ rất khó tăng mạnh xuất khẩu sang thị trường này trong thời kỳ 2012-2015.

- Việc Chính phủ Trung Quốc huỷ bỏ ưu đãi đối với nhập khẩu theo hình thức thương mại biên giới vào năm 2008 đã ảnh hưởng trực tiếp đến xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Tây Nam trong năm 2009 và sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng trong giai đoạn tiếp theo.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ cho thương mại hàng hoá tại vùng biên phía Việt Nam còn rất kém. Đặc biệt là vấn đề đường xá, kho bãi từ nhiều năm nay vẫn chưa được giải quyết khiến hàng hoá xuất khẩu sang thị trường Tây Nam (vốn đa phần là hàng nông sản sơ chế, tươi sống) dễ phát sinh vấn đề về chất lượng nếu không kịp thời giao hàng.

- Việc ta chủ động giảm dần tiến tới ngừng xuất khẩu than, khoáng sản thô trong thời gian tới đã và sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang Tây Nam nói chung, Trung Quốc nói riêng trong những năm tiếp theo.

- Chưa tận dụng được tối đa ưu thế của thị trường Tây Nam, Trung Quốc là địa lý gần, quy mô thị trường rộng lớn, đòi hỏi về chất lượng chưa quá cao, nhu cầu đa dạng.

- Chưa tận dụng cơ hội mà ACFTA mang lại để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Tây Nam, Trung Quốc.

- Các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa có được nhận thức sâu sắc về vấn đề kiểm dịch, do đó gặp rất nhiều khó khăn trong xuất khẩu và thường bị ép giá, gây bất lợi cho hàng Việt Nam.

- Công tác xúc tiến thương mại còn kém hiệu quả.

- Cho tới nay Việt Nam vẫn chưa có một chương trình quảng bá, quảng cáo mang tính hệ thống và liên tục cho một số mặt hàng hoặc nhóm hàng tại thị trường Trung Quốc, đặc biệt là thị trường các tỉnh phía Tây Nam như Vân Nam, Quảng Tây, Quý Châu và Tứ Xuyên.

III. KIẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TÂY NAM TRUNG QUỐC ĐẾN NĂM 2015

1. Đề xuất đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có tiềm năng của ta sang thị trường khu vực Tây Nam Trung Quốc trong thời gian tới:

1.1. Đối với tỉnh Vân Nam

- Nhóm hàng nông sản:

+ Hoa quả tươi: Vải tươi, nhãn tươi, dưa hấu;

+ Sản tươi, sản lát khô;

+ Gạo;

+ Cao su tự nhiên, cao su tổng hợp, hạt điều bóc vỏ.

- Nhóm hàng thủy hải sản:

+ Tươi sống: Tôm hùm, Cua bể, Ốc hương;

+ Đông lạnh: Mực các loại, Cá dưa, Tôm sú;

- Nhóm hàng tiêu dùng:

+ Giày dép, nước hoa;

- Nhóm hàng thực phẩm chế biến:

+ Cà phê hòa tan, Hoa quả sấy khô, Kẹo dừa, Bánh đậu xanh;

- Nhóm hàng năng lượng:

+ Khí ga hóa lỏng (sản phẩm mới thâm nhập vào thị trường Vân Nam năm 2012).

1.2. Đối với tỉnh Quảng Tây

- Nhóm hàng nông sản:

- + Hoa quả tươi: thanh long, dưa hấu, nhãn;
- + Sắn tươi, sắn lát khô, tinh bột sắn;
- + Cao su tự nhiên, hạt điều bóc vỏ.
- Nhóm hàng tiêu dùng:
- + Giấy dếp, nước hoa;
- + Sản phẩm nội thất làm bằng gỗ.
- Nhóm hàng thực phẩm chế biến:
- + Cà phê hòa tan, Hoa quả sấy khô, Kẹo dừa, Bánh đậu xanh

1.3. Đối với tỉnh Quý Châu

- Hàng nông sản
- + Gạo;
- Thủy sản
- Than, than đá và chất đốt

1.4. Đối với tỉnh Tứ Xuyên

- Gạo, sắn lát;
- Thủy sản khô
- Dầu động thực vật.
- Sản phẩm thực vật
- Sản phẩm công nghiệp nhẹ
- Sản phẩm khoáng sản, kim loại

1.5. Đối với thành phố Trùng Khánh

- Cao su và mù cao su
- Hàng nông sản và thủy sản, gạo, thực phẩm chế biến, trái cây nhiệt đới
- Thức ăn gia súc và bột cá
- Một số sản phẩm công nghiệp nhẹ (hàng may mặc, sản phẩm điện tử, linh kiện điện tử, hàng tiêu dùng, sắt thép nguyên liệu...)

2. Kiến nghị:

2.1. Về phía cơ quan quản lý Nhà nước

2.1.1. Kiến nghị với Chính phủ:

- Trong các cuộc gặp cấp cao, đề nghị Chính phủ Trung Quốc có chính sách tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho hàng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc, đặc biệt vào thị trường Tây Nam Trung Quốc để thu hẹp bớt khoảng cách chênh lệch lớn trong cán cân thương mại hai nước.

- Có chiến lược phát triển sản xuất đối với các ngành hàng, mặt hàng xuất khẩu trọng điểm sang Trung Quốc nói chung và sang thị trường Tây Nam nói riêng nhằm phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng, giá cả cạnh tranh để có thể đẩy mạnh xuất khẩu các ngành hàng, mặt hàng này sang Trung Quốc.

- Có chính sách ưu đãi về đầu tư đối với các doanh nghiệp FDI đầu tư vào những mặt hàng mới, có tiềm năng xuất khẩu sang thị trường Tây Nam Trung Quốc.

- Chỉ đạo các Bộ/ngành hữu quan triển khai các thỏa thuận đã ký giữa các cơ quan hữu quan hai bên và giám sát tình hình thực hiện dự án hợp tác giữa hai bên.

- Hỗ trợ thêm về tài chính cho công tác tổ chức các Chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia tại thị trường Tây Nam Trung Quốc.

2.1.2. Kiến nghị với các Bộ/ ngành khác/ các Tỉnh:

a/ Bộ Công Thương:

- Chủ trì xây dựng Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường Tây Nam Trung Quốc đến năm 2017.

- Chủ trì và phối hợp cùng các Bộ/ngành, các Tỉnh thường xuyên rà soát phát hiện và tháo gỡ kịp thời những vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục và về sự phối hợp trong quản lý nhà nước của các cơ quan chức năng có liên quan đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa.

- Triển khai các thỏa thuận hợp tác đã ký kết giữa Bộ Công Thương và Chính quyền Nhân dân tỉnh Quảng Tây, Vân Nam, Tứ Xuyên, Trùng Khánh để tăng cường, thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế thương mại và đầu tư với các tỉnh/thành này và để tìm đầu ra cho hàng xuất khẩu của Việt Nam.

- Triển khai Đề án đã được Thủ tướng phê duyệt về việc thành lập các Văn phòng xúc tiến thương mại tại các địa phương Trung Quốc có tiềm năng phát triển quan hệ kinh tế thương mại với Việt Nam, trong đó có Thành Đô (Tứ Xuyên) và Thành phố Trùng Khánh.

- Cần có sự quy hoạch về hệ thống kho bãi tập kết, bảo quản hàng hóa nhất là hệ thống kho lạnh với dung lượng lớn để đảm bảo cho việc bảo quản hàng hóa nông thủy hải sản tươi sống tại 3 khu cửa khẩu chủ yếu xuất khẩu hàng hóa sang Trung Quốc đó là các Khu Thương mại công nghiệp Kim Thành (tỉnh Lào Cai), Khu kinh tế cửa khẩu Tân Thanh (tỉnh Lạng Sơn), Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh). Đồng thời cần có chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các hệ thống kho bãi theo như quy hoạch được xây dựng.

- Tổ chức các Hội thảo giới thiệu về thị trường Tây Nam Trung Quốc nhằm mục đích giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn về tiềm năng thị trường Tây Nam Trung Quốc; nắm bắt được các quy định, cơ chế chính sách mới áp dụng

của Trung Quốc (như: chính sách buôn bán biên giới, quy định mới về vệ sinh an toàn thực phẩm v.v...); lộ trình cắt giảm thuế quan theo Hiệp định ACFTA; quy định về cấp giấy chứng nhận xuất xứ C/O form E hưởng ưu đãi theo Hiệp định ACFTA; Các doanh nghiệp có kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp để tận dụng ưu đãi thuế quan theo ACFTA đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Tây Nam Trung Quốc trong thời gian tới, góp phần giảm nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc.

- Tổ chức tốt và có hiệu quả các Chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia tại khu vực Tây Nam Trung Quốc như Hội chợ Trung Quốc – ASEAN, Hội chợ Côn Minh, Hội chợ Quốc tế miền Tây Tứ Xuyên v.v... và tổ chức cho doanh nghiệp của ta tham gia các Buổi giao thương doanh nghiệp Việt Nam – Trung Quốc được tổ chức trong thời gian diễn ra Hội chợ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc triển khai đưa các mặt hàng công nghiệp nhẹ xuất khẩu sang Trung Quốc.

- Hỗ trợ, giúp đỡ doanh nghiệp trong việc kết nối với hệ thống các siêu thị lớn tại thị trường Tây Nam Trung Quốc nhằm phân phối hàng Việt Nam vào hệ thống siêu thị (có thể tổ chức theo hình thức Gian hàng Việt Nam tại các siêu thị lớn của các tỉnh Tây Nam Trung Quốc) từ đó mới có thể thu hút người tiêu dùng khu vực Tây Nam Trung Quốc và tiêu thụ hàng Việt Nam tại thị trường Tây Nam Trung Quốc.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp của các tỉnh biên giới phía Bắc tham gia các Chương trình XTTM Quốc gia, đặc biệt là các Chương trình XTTM tại thị trường Tây Nam Trung Quốc.

**** Một số giải pháp riêng đối với hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới***

- Cần tiếp tục rà soát và sửa đổi những chính sách xuất nhập khẩu và chính sách biên mậu theo hướng: “Thúc đẩy thương mại hai bên phát triển lành mạnh hóa, khuyến khích các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa theo con đường chính ngạch, từng bước chuẩn hóa các quy trình xuất nhập khẩu”. Cần nghiên cứu trình Chính phủ đề xuất những cơ chế hỗ trợ chính sách, ưu đãi về tài chính, tạo thuận lợi và ưu đãi cho các doanh nghiệp xuất khẩu qua đường chính ngạch.

- Triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 638/VPCP-QHQT ngày 8/6/2010 v/v giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan thành lập Nhóm công tác phía Việt Nam về xây dựng và phát triển các Khu kinh tế xuyên biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, trước mắt chọn Khu Đồng Đăng – Bằng Tường thí điểm triển khai trước.

- Tăng cường công tác chống buôn lậu, kiểm soát chặt chẽ luồng hàng hóa nhập khẩu thâm nhập vào nội địa. Không khuyến khích việc nâng cao mức miễn thuế đối với trao đổi cư dân biên giới ở khu vực các cửa khẩu biên giới

giáp với Trung Quốc. Bộ Công Thương sẽ tiếp tục sửa đổi Quyết định số 254/QĐ-TTg theo hướng kiểm soát chặt chẽ các đối tượng được hưởng chế độ miễn thuế và những mặt hàng được phép mua bán theo chế độ miễn thuế dùng cho cư dân biên giới và trong khu vực biên giới (chứ không mở rộng một cách tràn lan).

b/ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì đẩy nhanh hoàn thiện các thủ tục công nhận lẫn nhau về kiểm dịch giữa hai nước; tiến hành hướng dẫn thực hiện Hiệp định kiểm dịch động vật, thực vật Việt Nam – Trung Quốc ký năm 2008.

- Phổ biến kịp thời cho doanh nghiệp xuất khẩu nông sản, thủy sản của ta các quy định mới của Trung Quốc liên quan đến vấn đề kiểm dịch kiểm nghiệm và vệ sinh an toàn thực phẩm đối với trái cây, thủy sản nhập khẩu từ Việt Nam.

- Xây dựng quy định về quản lý kiểm dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm đối với nông sản xuất khẩu sang Trung Quốc với hệ thống giám sát, kiểm tra và công nhận từ khâu sản xuất để đảm bảo quy mô, chất lượng xuất khẩu và nâng uy tín hàng hóa Việt Nam.

- Tăng cường và kiện toàn các trạm kiểm dịch tại các cửa khẩu trọng điểm xuất khẩu hàng nông sản, trước mắt tại các cửa khẩu Lào Cai, Tân Thanh, Hữu Nghị, Móng Cái, sau này triển khai tại các cửa khẩu quan trọng khác, để giúp doanh nghiệp giải quyết nhanh, hiệu quả yêu cầu về kiểm dịch, đồng thời góp phần giải quyết tình trạng tiêu cực, giảm bớt chi phí phát sinh không cần thiết cho doanh nghiệp xuất khẩu.

- Chỉ đạo cơ quan Hải quan thúc đẩy hoàn thiện thủ tục thông quan một lần nhanh gọn, thuận tiện.

c/ Bộ Kế hoạch & Đầu tư:

- Chủ trì và phối hợp với các cơ quan hữu quan triển khai thực hiện Quy hoạch 5 năm về hợp tác kinh tế thương mại Việt – Trung.

- Kêu gọi và tranh thủ thu hút các nước chuyển giao sản xuất tại Việt Nam các sản phẩm mà các nước đang xuất khẩu vào Trung Quốc nay muốn chuyển giao sản xuất ra nước ngoài.

- Xây dựng chiến lược và tích cực hỗ trợ tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sản xuất tại Việt Nam các mặt hàng có thế mạnh xuất khẩu sang thị trường Tây Nam Trung Quốc.

- Thu hút các doanh nghiệp lớn có thực lực của khu vực Tây Nam vào Việt Nam đầu tư trực tiếp trong các lĩnh vực năng lượng, hóa dầu, nguyên phụ liệu dệt may da, phân bón, vật tư nông nghiệp, hoá chất, công nghiệp hỗ trợ . . . hoặc hợp tác gia công chế biến trong các lĩnh vực chế biến sản phẩm từ cao su,

nông sản nhiệt đới, rau quả, đồ uống thực phẩm sau đó xuất khẩu vào thị trường Tây Nam Trung Quốc.

d/ Bộ Giao thông vận tải:

Quy hoạch và xây dựng mạng lưới giao thông đồng bộ, đạt tiêu chuẩn quốc tế nối liền với các thành phố, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh với các cửa khẩu Trung Quốc. Đảm bảo tiến độ xây dựng các tuyến đường cao tốc nối liền với các cửa khẩu chính xuất khẩu hàng hóa sang 2 tỉnh Vân Nam, Quảng Tây như Nội Bài – Lào Cai, Hà Nội – Lạng Sơn, Quảng Ninh – Móng Cái. Đồng thời, nâng cấp và cải tạo các tuyến đường hiện có để đảm bảo tốt nhất cho việc vận chuyển hàng hóa xuất khẩu đến các cửa khẩu mà ta chủ yếu xuất khẩu sang hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây.

e/ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- UBND các tỉnh cần phối hợp chặt chẽ với các Bộ ngành có liên quan như Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn . . . để triển khai tốt các kế hoạch sản xuất, quy hoạch vùng sản xuất, ngành sản xuất; chỉ đạo các ban ngành của địa phương xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm của địa phương sang thị trường Tây Nam Trung Quốc trên cơ sở các định hướng phát triển xuất khẩu và các mặt hàng xuất khẩu trọng điểm.

- Tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Tây Nam Trung Quốc.

- Các tỉnh biên giới giáp với Trung Quốc cần chủ động phát huy vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc tăng cường phát triển quan hệ thương mại với các tỉnh biên giới Trung Quốc..

- Các địa phương có đường biên với 2 tỉnh Quảng Tây, Vân Nam trong khuôn khổ hợp tác địa phương, tiếp tục hợp tác với phía Bạn cung cấp thông tin cho nhau để tuyên truyền thông báo cho các doanh nghiệp 2 bên biết về những quy định mới, những thay đổi trong chính sách quản lý thương mại, biên mậu của 2 bên.

- Tích cực thu hút đầu tư nước ngoài và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp FDI sản xuất hàng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc nói chung và thị trường Tây Nam Trung Quốc nói riêng.

2.2. Về phía các doanh nghiệp/ hiệp hội

a. Về phía các doanh nghiệp:

- Cần nghiên cứu xây dựng chiến lược xuất khẩu của mình sang thị trường Trung Quốc nói chung và thị trường Tây Nam Trung Quốc nói riêng, xây dựng các đề án chuyên biệt cho từng mặt hàng xuất khẩu. Cần nghiên cứu điều chỉnh cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng phát huy tiềm năng, nâng cao

hàm lượng lao động lành nghề và khoa học công nghệ trong đơn vị sản phẩm, giảm dần thị phần hàng nguyên liệu xuất khẩu đang chiếm chủ yếu trong cơ cấu hàng xuất khẩu của ta hiện nay.

- Về định hướng thị trường: Cần tiếp tục định hướng lấy Quảng Tây, Vân Nam làm cầu nối thâm nhập thị trường Tây Nam và các tỉnh/thành nằm sâu trong nội địa Trung Quốc. Các doanh nghiệp cần lựa chọn thị trường sâu trong nội địa Trung Quốc là thị trường chính và có chiến lược thâm nhập dài hạn chứ không nên chỉ giới hạn tiếp cận với các đối tác buôn bán biên mậu vốn tiềm ẩn nhiều rủi ro trong buôn bán.

- Nâng cao năng lực tiến hành các hoạt động marketing, xây dựng mạng lưới thương nhân tiêu thụ hàng xuất khẩu tại khu vực Tây Nam Trung Quốc.

- Nắm vững quy định pháp luật và thông tin về thị trường và mặt hàng tại thị trường Trung Quốc.

Trong thời gian tới đây, Trung Quốc sẽ tiếp tục thắt chặt quản lý với hoạt động biên mậu. Trên thực tế theo quy định mới về biên mậu của Trung Quốc từ 1/11/2008, hàng hoá nhập khẩu vào Trung Quốc theo hình thức tiểu ngạch biên giới so với chính ngạch không còn ưu đãi, chỉ còn ưu đãi đối với hình thức buôn bán tại các cặp chợ biên giới (8000 NDT/người/ngày).

Hình thức này về bản chất là dành cho cư dân biên giới mua bán qua lại nhằm nâng cao đời sống của cư dân vùng biên nay lại bị các lợi dụng để gian lận hàng hoá. Vì vậy trong tương lai hoạt động này sẽ còn bị kiểm soát chặt chẽ. Các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động bàn thảo với các đối tác Trung Quốc chuyển dịch phương thức thương mại, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của hàng hoá để thâm nhập thị trường. Tránh phụ thuộc vào các đối tác buôn bán biên mậu không lành mạnh.

- Chủ động tìm kiếm các đối tác mua hàng trực tiếp. Thực tế, đa phần các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam như đồ gỗ, nông sản, rau quả nhiệt đới ... đều phải thông qua các đầu mối doanh nghiệp tại một số tỉnh giáp ranh với Việt Nam, khiến giá thành khi đến với người tiêu dùng tại các tỉnh thành phố khác Trung Quốc bị đội lên cao, lợi nhuận của doanh nghiệp xuất khẩu giảm. Trong khi ta có khả năng ký các hợp đồng xuất khẩu chính ngạch trực tiếp với các doanh nghiệp tại đây với giá cao hơn khi lộ trình thuế đã được cắt giảm.

- Chủ động lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp tại các tỉnh/thành phố thuộc khu vực Tây Nam Trung Quốc có tiềm năng nhập khẩu nhiều hàng xuất khẩu của ta. Đại diện VPĐD của doanh nghiệp sẽ làm đầu mối trực tiếp tìm kiếm khách hàng và giao dịch tại địa bàn.

- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác với các hiệp hội và các đối tác Trung Quốc ở trung ương và ở địa phương để tranh thủ sự hợp tác xúc tiến thương mại tại trung ương và các địa phương Trung Quốc.

- Cần có chiến lược đào tạo nguồn nhân lực thông thạo tiếng Trung, nghiệp vụ ngoại thương, am hiểu về thị trường Trung Quốc nói chung và thị trường Tây Nam Trung Quốc nói riêng để đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu phát triển thương mại với Trung Quốc.

- Chủ động xây dựng thương hiệu và đăng ký với các cơ quan chủ quản của Trung Quốc.

b. Các Hiệp hội ngành hàng, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam:

- Cần tích cực tổ chức có hiệu quả thực sự việc hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường, thông tin, nghiên cứu giải pháp tiếp cận thị trường để nâng cao kim ngạch xuất khẩu.

- Cần nâng cấp quy mô hoạt động của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt-Trung để đây thực sự là cầu nối hữu hiệu của doanh nghiệp hai nước.

- Cần chủ động xây dựng quan hệ với các hiệp hội ngành hàng khu vực thị trường Tây Nam Trung Quốc, đặc biệt là các hiệp hội nhập khẩu và các hiệp hội sản xuất hàng hoá của bạn để đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nguyên liệu.

- Chủ động phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, ngành khác trong việc hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Tây Nam Trung Quốc./.
